

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CP XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

Năm 2021

Số: 183/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4435/QĐ/BNN-TCCB ngày 9/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Lương thực Hà Nội thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần XNK Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.
- Điều 2.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế đã ban hành ngày 09/8/2016.
- Điều 3.** Các ông (bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, Trưởng phòng nghiệp vụ, Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 (để TH);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHỤ TRÁCH HĐQT



Trần Hữu Hạnh

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Công ty hoặc đơn vị trực thuộc.

2. Người được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các nội dung theo yêu cầu, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung thành viên bị miễn nhiệm hoặc bãi miễn là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Trong nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc, nhưng không quá 60 ngày, kể từ khi hết hạn nhiệm kỳ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Đối với thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông pháp nhân là doanh nghiệp nhà nước đề cử ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị nêu tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn khác do cổ đông pháp nhân là doanh nghiệp nhà nước quy định.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị các chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức;
- d) Tổ chức giám sát, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Tổ chức việc xây dựng các quy chế quản trị nội bộ theo quy định của Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật;
- g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- h) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất

tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải bầu thay thế trong các trường hợp:

a) Bị miễn nhiệm hoặc thay thế theo quy định tại khoản 2 và 3, Điều 35 của Điều lệ Công ty; trong các trường hợp này Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch tự nguyện từ chức nhưng vẫn còn giữ chức uỷ viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị thay thế từ 1/2 thành viên trở lên thì Hội đồng quản trị phải bầu lại Chủ tịch.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười 10 ngày làm việc.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Phát hiện thành viên Hội đồng quản trị không đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp;

b) Vi phạm pháp luật hình sự đã bị toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật;

c) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;

d) Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Không chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

f) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty;

g) Không có biện pháp quản lý Công ty để xảy ra các trường hợp sau:

- Để Công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận hai năm liên tiếp;

- Để Công ty trong tình trạng có một năm lỗ lớn nhưng không đề ra được phương án khắc phục trong thời gian 02 đến 03 năm tới;

- Các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận có lý do khách quan đã giải trình và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc do đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ đã dự đoán nguy cơ trước thì được miễn trừ;

h) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng nhưng phải được Hội đồng quản trị công nhận;

i) Có đơn từ chức;

j) Bị miễn nhiệm vì lý do gì do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

k) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này;

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ra quyết định.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế hoặc bổ sung trong các trường hợp sau:

a) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Hết nhiệm kỳ quy định tại khoản 2, Điều 32 của Điều lệ Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị tự nguyện xin từ chức đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; hoặc được nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

d) Thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên đề cử người vào Hội đồng quản trị đề nghị thay thế. Các thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp này đương nhiên miễn nhiệm và được bầu thay thế.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị phải tạm ngừng tư cách thành viên Hội đồng quản trị kể từ khi:

a) Có bằng chứng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị hoặc có bằng chứng bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

b) Bị các cơ quan có thẩm quyền khởi tố bắt tạm giam hoặc từ ngày tòa án tuyên án là có tội;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 (kể cả trường hợp bị tạm ngừng tư cách thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 của Điều này), thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung trong thời hạn sáu mươi ngày (60 ngày) theo lịch kể từ ngày số thành viên giảm quá 1/3.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- h) Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và các quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử, điều chuyển, bãi miễn, thay thế người đại diện vốn của Công ty ở các công ty có cổ phần, vốn góp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi của những người đại diện này (nếu có). Các chức danh khác trong Công ty do Giám đốc công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm.
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua
- s) Các quyền và nghĩa vụ khác ngoài thẩm quyền của Đại hội cổ đông công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng, báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã hết mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan. Văn bản kiến nghị có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông liên quan;

f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Mục 6 của Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Công ty (trừ thành viên Hội đồng quản trị đã gửi văn bản yêu cầu họp Hội đồng quản trị để thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường nhưng không được chấp thuận hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Đại hội cổ đông nhưng nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bất thường vẫn không được thông qua);

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty (trừ Kiểm soát viên đã gửi văn bản yêu cầu họp Ban kiểm soát để thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

của Ban kiểm soát về việc triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bất thường vẫn không được thông qua);

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm e, khoản 3 Điều này có yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại khi cổ đông xuất trình đầy đủ các hóa đơn chứng từ hợp lệ và không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu riêng khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các cán bộ và/hoặc các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các Tiểu ban hoặc cử cán bộ công ty giúp việc của Hội đồng quản trị. Cán bộ của các Tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử cán bộ Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các Tiểu ban gồm:

1 Tiểu ban thư ký:

a) Tiểu ban thư ký: Biên chế gồm 03 người: 01 Thư ký Công ty; 01 Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị; 01 Thư ký Giám đốc. Nhiệm vụ của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban thư ký:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

+ Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;

+ Kiểm tra tư cách đại biểu;

+ Thực hiện kiểm phiếu họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

- Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Lưu trữ thông tin Công ty: Sổ biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các tài liệu cần thiết khác;

- Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị;

2 Tiểu ban Tư vấn pháp lý:

a) Biên chế của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định;

b) Tiểu ban Tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:

- Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh doanh, dân sự và các văn bản pháp lý của Công ty;

- Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Công ty: Dự thảo sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế, nội quy hoạt động của Công ty;

- Giúp Hội đồng quản trị, Giám đốc tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;

- Hỗ trợ pháp lý cho Giám đốc khi có các tranh chấp về các hợp đồng;

- Giúp Hội đồng quản trị tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

3 Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường

a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định;

b) Tiểu ban tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư, mua, bán công nghệ;

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực.

4. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các Tiểu ban nêu trên khi nhu cầu thực tế đòi hỏi.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc thông qua và thông qua Giám đốc yêu cầu bất kỳ cán bộ quản lý cấp dưới nào trong Công ty

4. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các Tiểu ban nêu trên khi nhu cầu thực tế đòi hỏi.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc thông qua và thông qua Giám đốc yêu cầu bất kỳ cán bộ quản lý cấp dưới nào trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty. Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày bầu xong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó; do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập; trường hợp có nhiều người có phiếu cao trùng nhau thì bầu 01 người triệu tập họp, theo nguyên tắc quá bán. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông tổ chức nắm giữ từ 10% vốn điều lệ giới thiệu để ứng cử xin từ chức danh thành viên HĐQT hoặc cổ đông tổ chức yêu cầu tạm ngừng điều hành công việc với tư cách là thành viên HĐQT trước cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị vừa được bầu (trong vòng 7 ngày kể từ ngày họp ĐHCĐ) thì theo yêu cầu của cổ đông tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên thay thế, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ có nghĩa vụ tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo yêu cầu của cổ đông tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Cuộc họp định kỳ mỗi quý phải họp ít nhất một lần, bất kể thời gian nào xét thấy cần thiết; địa điểm họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc có thể ở nơi khác;

b) Họp bất thường trong trường hợp:

- Theo đề nghị của Ban kiểm soát;
- Theo đề nghị Giám đốc hoặc ít nhất theo đề nghị của 05 cán bộ lãnh đạo từ trưởng phòng (hoặc tương đương) trở lên;
- Theo đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

c) Đề nghị phải lập thành văn bản, trong đó phải nêu rõ mục đích, nội dung cần thảo luận và phải đúng thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất là (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của đối tượng quy định tại điểm b, khoản 2 của Điều này; nếu không triệu tập họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị;

e) Người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trước 03 ngày làm việc theo ngày dự kiến họp; thông báo phải ghi rõ địa điểm, thời gian họp; kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình, các tài liệu liên quan đến cuộc họp và dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề cuộc họp; thông báo đồng thời phải gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như các thành viên Hội đồng quản trị; thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;

f) Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền tham dự và thảo luận tại cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp phải ký xác nhận tham dự cuộc họp trước khi tiến hành cuộc họp, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị gửi phiếu biểu quyết tham dự cuộc họp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được tham gia biểu quyết các hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết của Công ty hoặc Chi nhánh với người liên quan hoặc với chính bản thân thành viên đó.

5. Biểu quyết thông qua quyết định Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào Sổ biên bản của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông lưu.

2. Hội đồng quản trị phải lập thành Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị trên cơ sở nội dung ghi trong Sổ biên bản. Biên bản lập phải có các nội dung chính sau đây:

a) Thời gian, địa điểm dự họp;

b) Họ và tên các thành viên dự họp; Họ và tên các thành viên không dự họp và lý do;

c) Nội dung các chương trình được thảo luận;

d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;

e) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, thành viên không tán thành và thành viên không có ý kiến;

f) Các quyết định, kết luận được Hội đồng quản trị thông qua;

g) Các ý kiến bảo lưu;

h) Chữ ký chủ tọa và thư ký cuộc họp.

3. Biên bản ghi phải được thông qua Hội đồng quản trị trước khi kết thúc cuộc họp; và phải có đầy đủ họ, tên, chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị (hoặc đại diện theo ủy quyền) dự họp. Trường hợp nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua hợp pháp, mà thành viên Hội đồng quản trị (hoặc đại diện theo ủy quyền) thiếu số dự họp từ chối ký vào Biên bản, thì chữ ký xác nhận tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại Biên bản cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Không dùng bút chì, bút mực đỏ hoặc bút có mực bị bay màu để ghi hoặc lập biên bản hoặc ký biên bản.

6. Sổ ghi biên bản họp, biên bản lập, tài liệu và hồ sơ sử dụng trong cuộc họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty theo Quy chế văn thư, lưu trữ của Công ty.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận tiền lương hoặc thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hoạt động thường xuyên tại Công ty được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Các thành viên khác của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thù lao cho Hội đồng quản trị theo kế hoạch hoạt động.

2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao của mỗi thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành Công ty như Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng, phó các phòng (hoặc ban) chuyên môn, nghiệp vụ v.v..., ngoài tiền thù lao quy định tại điểm b, khoản 1 của Điều này còn được hưởng lương chức vụ điều hành theo quy chế trả lương của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công (hoặc thù lao) trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích

khác được hưởng từ Công ty phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các cuộc họp khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì



thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Ban Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội bao gồm VII chương 24 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và thay thế cho Quy chế đã ban hành ngày 09/8/2016. *u*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *hanh*
PHỤ TRÁCH HĐQT *u*



hanh
Trần Hữu Hạnh